TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08/9/2025
V/v: "*Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17- LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Thuận.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Trọng Kim

2. Ông Lê Hoàng Phúc

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 -Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17- Lâm Đồng tham gia phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17-Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 19/2025/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2025, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Số 21, đường số 16, thôn Nam Chính 4, xã Đức Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn T2, sinh năm: 1978

Nơi cư trú: Số 21, đường số 16, thôn Nam Chính 4, xã Đức Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Có mặt Bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 24/6/2025, biên bản tự khai và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Vào năm 2003, chị và

anh Nguyễn T2 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nam Chính vào ngày 10/3/2003, theo giấy chứng nhận kết hôn số 025/2003. Trong quá trình vợ chồng chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên bất hòa, cãi vã nhau. Chị và anh T2 đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay, mỗi người sống mỗi nơi, không còn quan tâm liên lạc với nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T2, do đó chị yêu cầu Tòa án cho ly hôn.

- Về con chung:

+Nguyễn T2, sinh năm: 1999

+Nguyễn T3, sinh năm: 2002

Hiện tại các con đã trên 18 tuổi. Vì vậy không yếu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/8/2025 và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn T2 trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với chị Nguyễn Thị T về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì chị T bỏ nhà đi cho đến nay, nguyên nhân là do chị T nợ nần. Khoảng 03 tháng đầu khi chị T mới bỏ đi thì vợ chồng vẫn còn liên lạc, anh có nói chị T quay về nhưng chị T không đồng ý và sau đó chị T không còn liên lạc với anh nữa. Đối với yêu cầu ly hôn của chị T thì anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử và của các đương sự: Thẩm phán đã thụ lý hồ sơ, xác định đúng quan hệ pháp luật, lập và gửi các văn bản đúng quy định. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng trình tự luật định. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng. Vì vậy HĐXX, xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy hôn nhân của anh, chị mâu thuẫn thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 19; khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T là có căn cứ và đúng pháp luật.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không phải xem xét giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn có trong hồ sơ của Tòa án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2025 Tòa án xác định đây là vụ án: "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17, tỉnh Lâm đồng theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Kể từ ngày Tòa án nhân dân khu vực 17 - Lâm đồng thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định về việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng cho đương sự được quy định tại chương X Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở khẳng định: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn T2 có đăng ký kết hôn vào ngày 10/3/2003 tại UBND xã Nam Chính, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận (nay là xã Đức Linh, tỉnh Lâm Đồng). Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Căn cứ vào quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật không cần phải chứng minh.

Tuy nhiên, sau khi kết hôn anh chị đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là anh chị tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong gia đình. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay, mỗi người sống mỗi nơi, không còn quan tâm nhau. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh T2 nữa và cương quyết ly hôn. Tất cả các điều đó cho thấy hôn nhân của anh, chị mâu thuẫn thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu có tiếp tục kéo dài cũng không đem lại lợi ích cho anh, chị. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là đúng theo quy định tại Điều 51

và Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình; khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm Phán tòa án nhân dân tối cao.

[5] Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không tranh chấp. Vì vậy không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6]Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ nghị quyết về án phí và lệ phí của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 thì chị T là người khởi kiện ly hôn nên chị phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo luật định.

[7] Về áp dụng án lệ: Nghiên cứu các bản án lệ do TAND tối cao công bố, không có vụ án nào tương tự như vụ án đang được xét xử. Vì vậy, HĐXX không áp dụng án lệ mà chỉ căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

[8] Xét ý kiến của Kiểm Sát Viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và Điều 203; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự của năm 2015; Áp dụng Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 luật Thi hành án dân sự; khoản 3 Điều 4 Nghị Quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm Phán tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1/Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Nguyễn T2.

2/Về án phí DSST: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí DSST về việc ly hôn, nhưng được trừ vào trong số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà chị T đã nộp tại biên lai số 0000429 ngày 15/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí DSST.

3/Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết công khai; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 08/9/2025 để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

<u>Nơi nhận</u>:

- VKSND khu vực 17

- Thi hành án DS tỉnh Lâm Đồng
- Phòng thi hành án DS khu vực 17
- UBND xã Đức Linh, tỉnh Lâm Đồng
- Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, quyết định./.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH
T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Xuân Thuận